TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **729**/2020/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 31 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 646/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1975;

Thường trú: 33/6/7 tổ 1 khu phố M, đường TC 04, phường CH, Quận M1, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ lưu trú: số 5 đường T1, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Lưu Văn Tr, sinh năm 1973;

Địa chỉ: 33/6/7 tổ M khu phố M2, đường TC 04, phường CH, Quận M1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Bản sao Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 10 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Q cấp ngày 10/5/2000 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Thị N và ông Lưu Văn Tr là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông bà tự nguyện chung sống vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Q. Trong quá trình chung sống ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nay ông bà yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Thị N và ông Lưu Văn Tr đã phát sinh nhiều mâu thuẫn khiến hai bên không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Trịnh Thị N và ông Lưu Văn Tr là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Lưu Thị Thanh Th, sinh ngày 19/5/2005 và Lưu Văn H, sinh năm 2000 – đã thành niên. Hai bên thỏa thuận, sau khi ly hôn bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Thanh Th. Việc cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Hai bên khai không có.

[5] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[6] Về lệ phí Tòa án: Bà Trịnh Thị N và ông Lưu Văn Tr cùng chịu 300.000 đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị N và ông Lưu Văn Tr thuận tình ly hôn (theo Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 10 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Q cấp ngày 10/5/2000).

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lưu Thị Thanh Th, sinh ngày 19/5/2005 và Lưu Văn H, sinh năm 2000 – đã thành niên. Hai bên thỏa thuận, sau khi ly hôn bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Thanh Th. Việc cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông Lưu Văn Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có nợ chung.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà Trịnh Thị N va ông Lưu Văn Tr chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông, bà đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0068168 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND Q.T;
- Chi cục THADS Q. T;
- UBND xã D, huyện D, tỉnh Q;
- Lưu.

Dương Thị Lan Ngọc